

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2024/HC-ST**

Ngày: 22-5-2024

“V/v khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; hành vi hành chính cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Thái Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Kháng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 232/2023/TLST-HC ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và hành vi hành chính cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Phạm Văn P**, sinh năm 1979

Địa chỉ: **B, ấp B, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh**. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Ngọc H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: **Số F, L, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**. (Vắng mặt, có đơn)

Người bị kiện: Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố P**, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Lê Quốc T**, chức vụ: Phó Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố P**. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Nguyễn Văn H1** - Chức vụ: Phó Trưởng phòng tư pháp **thành phố P**.

Cùng địa chỉ: **Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H2, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số D đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung người khởi kiện ông Phạm Văn P trình bày:**

Vào năm 2019, ông có nhận chuyển nhượng một thửa đất diện tích 505m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang của ông Đào Văn Q bằng giấy tay. Sau khi nhận chuyển nhượng ông đã xây dựng nhà và đưa vào sử dụng năm 2020.

Ngày 07/11/2022 Công chức Địa chính - Xây dựng xã D lập Biên bản vi phạm hành chính số 98/BB-VPHC với nội dung “Chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 515,5m² do Nhà nước quản lý theo Quyết định 2600/QĐ-UBND ngày 14/12/2012”.

Ngày 26/6/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; buộc ông trả lại diện tích 515,5m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền 5.441.388 đồng.

Ngày 18/9/2023, Chủ tịch UBND thành phố P tiến hành cưỡng chế nhà, đất của ông khi ông chưa nhận được quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả từ Chủ tịch UBND thành phố P.

Nhận thấy, việc chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định 3374/QĐ-KPHQ ngày 26/6/2023 và cưỡng chế nhà, đất của ông không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26/6/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND thành phố P ngày 18/9/2023 là trái quy định pháp luật.

*** Tại Văn bản số 421/UBND-NCPC ngày 13 tháng 3 năm 2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:**

1. Nguồn gốc diện tích 515,5m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Phạm Văn P chiếm thuộc nhóm đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm (theo công văn số 557/UBND-NCPC ngày 30/6/2022, về việc xác định loại đất để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai).

Ngày 23/9/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng UBND xã D lập Biên bản làm việc đối với ông Phạm Văn P. Đến ngày 08/11/2022, công chức Địa chính xã D tiếp tục làm việc với ông P, ông P trình bày nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng từ ông Đào Văn Q năm 2019. (Tại thời điểm mua đất này cho đến nay là đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc mua bán đất này

không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận).

Ngày 07/11/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng UBND xã D đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 515,5m² do ông Phạm Văn P chiếm là đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn.

Toàn bộ diện tích ông Phạm Văn P chiếm nằm trong Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P (nay là thành phố P) để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư B và Nam Bãi T1 tại xã D, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Từ đó, công chức Địa chính - Xây dựng lập Biên bản vi phạm hành chính số 98/BB-VPHC ngày 07/11/2022 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 50/BB-XM ngày 07/4/2023 thể hiện ông Phạm Văn P thực hiện hành vi vi phạm hành chính. Chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 515,5m² đất do UBND thành phố P quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng theo quy định của pháp luật.

Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật.

Theo đó việc ông Phạm Văn P tự ý sử dụng diện tích 515,5m² đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của UBND thành phố P mà không được UBND thành phố P cho phép là hành vi chiếm đất, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Vì vậy, việc ban hành Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26/6/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn P là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 28, Điều 29, Điều 65, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Qua theo dõi thi hành Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26/6/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND thành phố P nhận thấy ông Phạm Văn P chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, theo Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26/6/2023. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4045/QĐ-CCXP ngày 27/7/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định pháp luật.

2. Trong đơn khởi kiện ông Phạm Văn P trình bày là chưa nhận được quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là

chưa đúng, cụ thể:

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P đã gửi Quyết định số 4045/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 07 năm 2023 bằng đường bưu điện cho ông Phạm Văn P 03 lần (ông Phạm Văn P đã ký nhận 03 lần tại phiếu báo phát số hiệu EV926872472VN, phiếu báo phát số hiệu EB923484023VN và phiếu báo phát số hiệu EB923483969). Đồng thời Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P đã niêm yết Quyết định số 4045/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 07 năm 2023 tại Trụ sở Văn phòng ấp 2 và Trụ sở Ủy ban nhân dân xã V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản niêm yết công khai ngày 29 tháng 8 năm 2023. Theo quy định tại Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định “...Quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao”. Vì vậy, việc ông P trình bày là chưa nhận được Quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả là không đúng.

3. Đối với yêu cầu Tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P cưỡng chế diện tích 515,5m² và căn nhà của ông Phạm Văn P vào ngày 18/9/2023 là trái pháp luật, là không có cơ sở, vì:

Hành vi của ông P là chiếm đất và xây dựng nhà trái pháp luật trên đất do Nhà nước quản lý, không tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính mà trong Quyết định khắc phục hậu quả và Quyết định cưỡng chế đã nêu; và căn nhà không phải là tài sản hợp pháp phù hợp với khoản 2 Điều 92 Luật đất đai, mà đó là hậu quả do quá trình thực hiện hành vi vi phạm cần phải khắc phục ngay. Việc tổ chức cưỡng chế khắc phục hậu quả là biện pháp cuối cùng phải thực hiện mặc dù không muốn nhưng vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước đang bị xâm hại, vì ổn định trật tự quản lý đất đai trên địa bàn thành phố P.

Mặt khác, ngay sau khi ra Quyết định cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P phân công cơ quan thực hiện cưỡng chế đến triển khai Quyết định và yêu cầu ông Phạm Văn P nhanh chóng chấp hành Quyết định đúng quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) nhưng ông P vẫn không chấp hành; Vì vậy, cơ quan chức năng đã cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng trên đất để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân thành phố P quản lý theo đúng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Từ những nội dung nêu trên, việc ông Phạm Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26 tháng 6 năm 2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P quy định của pháp luật là không có cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông **Nguyễn Văn H1** người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất với ý kiến và đề nghị của Chủ tịch **UBND thành phố P**. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn P**.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm; Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Đối với người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn P** về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26/6/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố P** về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch **UBND thành phố P** đối với nhà, đất của ông ngày 18/9/2023 là trái quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa:

Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Ông **Phạm Văn P** yêu cầu Tòa án hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Văn P** là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Kể từ ngày ông **Phạm Văn P** nhận được quyết định đến ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án ngày 18/10/2023 chưa hết một năm, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Tính hợp pháp của các quyết định bị kiện:

[2.1] Thẩm quyền ban hành các quyết định và pháp luật áp dụng:

Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với ông

Phạm Văn P là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 86, 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Các văn bản pháp luật áp dụng giải quyết trong việc ban hành các quyết định đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định là có căn cứ.

[2.2] Xét nguồn gốc đất theo đơn khởi kiện của ông **Phạm Văn P**:

Diện tích đất 515,5m² ông **Phạm Văn P** bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được xác định nằm trong diện tích đất theo Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của **UBND tỉnh K** về việc thu hồi đất và giao UBND huyện (nay là thành phố) **P** để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư **B** và **Nam Bãi T1** tại **xã D, thị trấn A thành phố P**. Đến ngày 10/12/2007 **UBND tỉnh K** ban hành Quyết định số 2507/QĐ-UBND về việc giao đất cho **Ban Q1** để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư **B** và **N**, nhưng **UBND thành phố P** chưa giao mà vẫn quản lý đất này nên được xác định chủ thể quản lý đất này vẫn là **UBND thành phố P**.

Ngày 23/9/2022 **UBND xã D** phát hiện được ông **Phạm Văn P** đang chiếm 515,5m² đất để xây dựng nhà ở, việc này có lập biên bản làm việc ông **P** thừa nhận, đến ngày 07/11/2022 Công chức Địa chính - xây dựng thuộc **UBND xã D** lập biên bản vi phạm hành chính. Ông **Phạm Văn P** vào diện tích đất 515,5m² thuộc quyền quản lý của **UBND thành phố P** sử dụng không được sự đồng ý của **UBND thành phố P** là hành vi chiếm đất được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, ông **P** cho rằng không có hành vi chiếm đất là không có căn cứ, điều này còn được thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 23/9/2022 do **UBND xã D**, ông **P** trình bày: “*nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng năm 2019 từ ông **Đào Văn Q** sau đó vào xây dựng nhà để ở,..... việc xây dựng nhà không có xin phép cơ quan chuyên môn tôi sai và vi phạm pháp luật. Thời điểm tôi nhận chuyển nhượng đất tôi không biết đất do nhà nước quản lý*”. Trong khi đó, ông **P** không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, điều này **UBND thành phố P** đã chứng minh về nguồn gốc đất và chủ thể quản lý đất.

Như vậy, việc chuyển nhượng đất giữa ông **Phạm Văn P** với ông **Đào Văn Q** là không phù hợp pháp luật nên việc sử dụng đất của ông **P** chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là hành vi chiếm đất của Nhà nước do **UBND thành phố P** quản lý.

[2.3] Xét tính hợp pháp của quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26/6/2023):

Khi phát hiện hành vi chiếm đất của ông **Phạm Văn P**, công chức Địa chính - Xây dựng **xã D** đã tiến lập Biên bản làm việc ngày 23/9/2022 đối với ông **Phạm Văn P**, ông **P** thừa nhận hành vi của mình. Ngày 07/11/2022 cán bộ địa chính đo đạc xác định vị trí đất, lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông **P**. Đến ngày 26/6/2023 đã hết thời hạn xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 66 Luật xử lý vi

phạm hành chính nên Chủ tịch UBND thành phố P không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng hậu quả của hành vi vi phạm cần phải được khắc phục để đảm bảo cho việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, nên việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn P là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.4] Biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó có buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả đất và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp 5.441.388 đồng từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn) qua đất xây dựng nhà ở là phù hợp với khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26/6/2023 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn P là phù hợp pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của ông P về việc tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND thành phố P ngày 18/9/2023 là trái quy định của pháp luật:

[3.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Quyết định số 4045/QĐ-CCXP ngày 27/7/2023):

Xét thấy, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26/6/2023 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn P nhưng ông P không tự nguyện chấp hành, nên Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định cưỡng chế đối với ông là đúng quy định tại Điều 87, 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Sau khi có quyết định cưỡng chế Chủ tịch UBND thành phố P đã thông báo cưỡng chế cho ông P, ông P không chấp hành nên Chủ tịch UBND thành phố P đã tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông P là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

[3.2] Xét thấy, ông P cho rằng ông chưa nhận được Quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND thành phố P là chưa đúng thực tế. Bởi, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P đã gửi Quyết định số 4045/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 07 năm 2023 bằng đường bưu điện cho ông Phạm Văn P 03 lần (ông Phạm Văn P đã ký nhận 03 lần tại phiếu báo phát số hiệu EV926872472VN, phiếu báo phát số hiệu EB923484023VN và phiếu báo phát số hiệu EB923483969). Đồng thời Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P đã niêm yết Quyết định số 4045/QĐ-CCXP ngày 27 tháng 07 năm 2023 tại Trụ sở Văn phòng ấp 2 và Trụ sở Ủy ban nhân dân xã V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản niêm yết công khai ngày 29 tháng 8 năm 2023. Theo quy định tại Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định “...Quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận

quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao”. Vì vậy, việc ông P trình bày là chưa nhận được Quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả là không phù hợp.

[4] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P; chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận đề nghị người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện.

[5]. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phạm Văn P phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào án phí tạm nộp theo biên lai thu số 0004509 ngày 16/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chủ tịch UBND thành phố P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật tổ tụng hành chính.

- Căn cứ các Điều 38, 58, 65, 85, 86, 87, 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 3374/QĐ-KPHQ ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn P;

- Không chấp nhận yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đối với ông Phạm Văn P ngày 18 tháng 9 năm 2023 là trái quy định pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Văn P phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào án phí tạm nộp theo biên lai thu số 0004509 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Huyền